

QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ TỰ ĐỊNH ĐOẠT CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2015

LÊ THỊ THÌN*

Ngày nhận bài: 15/11/2017

Ngày phản biện: 25/11/2017

Ngày đăng bài: 25/12/2017

Tóm tắt:

Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự là một trong những nguyên tắc cơ bản trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, đương sự có quyền tự mình lựa chọn và quyết định các hành vi được pháp luật quy định nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình tham gia giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án. Tuy nhiên, xét theo một số khía cạnh nhất định, quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự vẫn còn tồn tại một số bất cập. Qua bài viết này, tác giả sẽ phân tích đánh giá một số quy định của pháp luật liên quan tới quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong các giai đoạn tố tụng sơ thẩm, phúc thẩm và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật.

Từ khóa:

Quyền quyết định và tự định đoạt, đương sự, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Abstract:

Involved parties' right to decision-making and self-determination is one of fundamental rules in CODE OF CIVIL PROCEDURE. Accordingly, Involved parties themselves have right to collect and make behavior decisions compliance with laws in order to protect legitimate rights and interests of them in to settle cases of civil at People's Court. Although, in some point of view, regulations about Involved parties' right to decision-making and self-determination still having some shortcomings, in this article, the author is going to evaluate some law provisions related to Involved parties' right to decision-making and self-determination and propose some solution in order to improve the law in mentioned field.

Keywords:

Involved parties' right to decision-making and self-determination, litigant, Code of Civil Procedure 2015.

1. Đặt vấn đề

Pháp luật điều chỉnh đối với công tác giải quyết các tranh chấp, các việc trong đời sống dân sự ở nước ta trải qua các thời kỳ:

Trước khi Bộ luật Tố tụng dân sự 2004 (BLTTDS năm 2004) được ban hành, để giải quyết các tranh chấp trong đời sống dân sự, Nhà nước ta đã ban hành Pháp lệnh thủ tục giải

* ThS., giảng viên Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: thinleklhdh@gmail.com

quyết các vụ án dân sự. Theo đó, Điều 2 của Pháp lệnh quy định về quyền tự định đoạt của đương sự: “*Người khởi kiện vụ án dân sự có quyền rút đơn khởi kiện, thay đổi nội dung khởi kiện. Các đương sự có quyền tự hoà giải với nhau*”. Sau khi Pháp lệnh được ban hành và có hiệu lực thực thi trên thực tế, Tòa án chỉ tiến hành giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án khi đương sự có đơn khởi kiện hoặc do Viện Kiểm sát tiến hành khởi tố vụ án¹. Quy định này cho thấy, đương sự có quyền rút đơn khởi kiện, thay đổi nội dung đơn khởi kiện sau khi họ đã tự mình nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Trong trường hợp vụ án đó do Viện Kiểm sát khởi tố thì đương sự không có quyền rút đơn khởi kiện. Bên cạnh đó, quyền định đoạt còn được thể hiện ở chỗ, pháp luật cho phép các đương sự tự mình thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp mà không có sự tham gia của Tòa án.

Bộ luật Tố tụng dân sự 2004 (BLTTDS năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011) và mới đây nhất là Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS năm 2015) đã quy định và duy trì nguyên tắc “*quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự*”. Có thể thấy, đây là một nguyên tắc mang tính đặc trưng nhất trong Tố tụng dân sự (TTDS) và được thể hiện xuyên suốt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án dân sự. Theo đó, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện hay không khởi kiện; đương sự có quyền rút đơn khởi kiện, thay đổi nội dung đơn khởi kiện, có quyền tham gia hòa giải, và ngay cả trong giai đoạn thi hành án dân sự, đương sự là người được thi hành án có quyền giảm hoặc miễn thi hành án cho người có nghĩa vụ phải thi hành án. Nguyên tắc này đã thể hiện, pháp luật tôn trọng tối đa quyền quyết định và tự định đoạt các mối quan hệ dân sự của đương sự. Không chỉ về phương diện pháp luật mà còn cụ thể là trong rất nhiều các chế định pháp luật Tố tụng dân sự.

2. Quy định của pháp luật về Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Điều 5 BLTTDS năm 2015 quy định: “*1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó; 2. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền thay đổi, chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội.*”. Theo quy định trên, quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong TTDS được thể hiện ở các nội dung cơ bản sau đây:

Một là, quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong việc khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự.

Trong tố tụng dân sự, vụ việc dân sự là những vụ việc phát sinh tại Tòa án do cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện, yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác. Theo đó, vụ việc dân sự bao gồm vụ án dân sự và việc dân sự. Bản chất của vụ án dân sự là tranh chấp giữa các đương sự trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động và kinh doanh, thương mại. Ngược lại, việc dân sự thì không tồn tại tranh chấp và

¹ Xem Khoản 6 Điều 13 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 1981.

phát sinh do yêu cầu của một bên đương sự. Chính vì vậy, tại Tòa án tồn tại hai thủ tục tố tụng: thủ tục giải quyết vụ án dân sự và thủ tục giải quyết việc dân sự. Đương sự được gọi là nguyên đơn khi họ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự thông qua đơn khởi kiện², và đương sự là người yêu cầu khi họ nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự.

Theo BLTTDS năm 2015, việc phát sinh vụ án hay việc dân sự tại Tòa án chỉ trên cơ sở việc khởi kiện hoặc yêu cầu của đương sự. Khi khởi kiện (yêu cầu), đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án chỉ xác định quan hệ cần giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

Hai là, quyền tự định đoạt trong việc đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn.

Nếu như nguyên đơn có quyền quyết định khởi kiện và lựa chọn nội dung khởi kiện đối với bị đơn tại Tòa án thì ngược lại bị đơn cũng có quyền đưa ra các phản tố đối với nguyên đơn tại Tòa án. Theo đó, được coi là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nếu yêu cầu đó độc lập, không cùng với yêu cầu mà nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã yêu cầu Tòa án giải quyết. Điều 200, BLTTDS năm 2015 quy định các trường hợp được coi là yêu cầu phản tố của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm: phản tố để bù trừ nghĩa vụ; phản tố dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng và chính xác hơn (ví dụ: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cấp dưỡng nuôi con, bị đơn phản tố yêu cầu Tòa án xác định đứa con không phải con của mình).

Ba là, quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong việc chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng mà việc thay đổi, chấm dứt yêu cầu của đương sự có thể được Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận. Trước khi mở phiên tòa thì quyền này là quyền tuyệt đối của đương sự, theo đó đương sự có thể thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu của mình. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1, Điều 244 BLTTDS năm 2015 thì tại phiên tòa việc thay đổi yêu cầu chỉ được chấp nhận nếu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu.³ Bên cạnh việc cho phép đương sự thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố tại Tòa án thì pháp luật cũng tạo điều kiện để đương sự xác định phạm vi mình cần thay đổi là như thế nào và thay đổi những gì.

Cũng theo quy định tại Khoản 2 Điều 244, BLTTDS năm 2015 cho phép đương sự rút một phần hoặc toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu thì Hội đồng xét xử sẽ xem xét và ra quyết định đình chỉ đối với một phần hoặc toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu của đương sự.

² Xem Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

³ Xem Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chỉ trong giai đoạn sơ thẩm mà ở giai đoạn phúc thẩm đương sự cũng có quyền định đoạt theo ý chí của mình. Điều 299, BLTTDS năm 2015 cho phép nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn rút đơn khởi kiện trong giai đoạn này rơi vào hai trường hợp: Nguyên đơn rút đơn khởi kiện nhưng bị đơn không đồng ý thì Tòa án không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn; nguyên đơn rút đơn khởi kiện và bị đơn đồng ý thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Bốn là, quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong việc lựa chọn người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trong quá trình Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự, các đương sự có quyền tự mình hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình⁴. Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án, các đương sự có thể tự mình tham gia quá trình tố tụng hoặc nhờ người khác thông qua việc ủy quyền tham gia tố tụng (trừ những quan hệ liên quan đến nhân thân) cụ thể:

Đương sự có quyền lựa chọn một trong những người sau đây bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình dựa vào sự ủy quyền của họ, bao gồm các chủ thể sau: Luật sư, trợ giúp viên pháp lý, đại diện của tổ chức tập thể lao động, công dân Việt Nam có đầy đủ năng lực hành vi dân sự... quy định này cho thấy, đương sự không đồng nhất người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình phải là luật sư mà bên cạnh luật sư còn có các chủ thể khác và đương sự thể hiện quyền quyết định và tự định đoạt của mình thông qua sự lựa chọn chủ thể đại diện đạt tiêu chí mà họ mong muốn trong giải quyết nội dung vụ án có liên quan.

Năm là, quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong việc thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự.

Thỏa thuận về việc giải quyết vụ việc dân sự là một trong những nội dung cơ bản nhất trong tố tụng dân sự. Theo đó, trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc dân sự cho phép đương sự tự thỏa thuận với nhau về cách thức giải quyết vụ việc. nội dung thỏa thuận được thể hiện như sau:

Thứ nhất, thỏa thuận của đương sự tại Tòa án. Điều 10, BLTTDS năm 2015 quy định: “Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định...”. Như vậy, hòa giải là một thủ tục bắt buộc trong tố tụng dân sự. Hòa giải được tiến hành trong khi Tòa án tiến hành giải quyết vụ án dân sự và việc dân sự (BLTTDS năm 2015 chưa có văn bản hướng dẫn về việc hòa giải đối với việc dân sự, tuy nhiên riêng đối với trường hợp giải quyết thuận tình ly hôn thì hòa giải là một thủ tục bắt buộc)⁵ xét về bản chất, hòa giải là sự thỏa thuận của các đương sự, thẩm phán là bên thứ ba làm trung gian hòa giải: giải thích pháp luật, phân tích những thuận lợi, khó khăn cũng như những hậu quả pháp lý liên quan để các bên tranh chấp nhận thức được vấn đề và đi đến thỏa thuận phương án giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng mà Tòa án không phải mở phiên Tòa xét xử hoặc phiên họp giải quyết việc dân sự. Bên cạnh đó,

⁴ Xem khoản 13 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

⁵ Nguyễn Thị Hoài Phương, *Bình luận những điểm mới trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*, NXB Hồng Đức, tr 51.

yếu tố thỏa thuận của đương sự trong quá trình tố tụng dân sự còn được thể hiện xuyên suốt quá trình tố tụng. Không chỉ tại phiên hòa giải các bên thỏa thuận được với nhau nội dung mà sự thỏa thuận này còn được thừa nhận nếu như các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, BLTTDS năm 2015 không quy định thủ tục hòa giải nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền công nhận sự thỏa thuận của đương sự nếu như đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Như vậy, thỏa thuận là yếu tố xuyên suốt quá trình tố tụng dân sự, đương sự có quyền đưa ra phương án giải quyết vụ việc dân sự ngay cả khi Tòa án đang tiến hành giải quyết. Quy định này đã chi tiết hóa nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Mặc dù vụ việc đã được Tòa án thụ lý giải quyết nhưng trong quá trình giải quyết mà đương sự thỏa thuận, tìm ra cách thức giải quyết ổn thỏa vấn đề thì Tòa án không được buộc đương sự phải tiếp tục giải quyết tranh chấp, yêu cầu theo ý chí của Tòa án.

Thứ hai, Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án của đương sự. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án của đương sự là một quy định hoàn toàn mới trong BLTTDS năm 2015. Nếu như BLTTDS năm 2004, sửa đổi quy định quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự chỉ có khi Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án dân sự hoặc việc dân sự tại Tòa án thì BLTTDS năm 2015 lại cho phép, đương sự có quyền tiến hành thủ tục hòa giải ngoài tòa án, có quyền thỏa thuận với nhau bằng văn bản sau đó yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Hòa giải thành là sự thỏa thuận đạt được của các đương sự. Quy định này cho phép các đương sự không nhất thiết có được sự công nhận sự thỏa thuận khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc mà họ có quyền giải quyết với nhau ngoài Tòa án và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận đạt được đó. Hậu quả pháp lý của công tác này là cơ quan thi hành án có quyền tiến hành thi hành án, buộc các bên thực hiện nghĩa vụ với nhau nếu như các bên đương sự không tự nguyện thực hiện cam kết đã đạt được.

Sáu là, quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong việc thực hiện quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật.

Sau khi Tòa án đã ban hành bản án, quyết định về việc giải quyết vụ việc dân sự theo thủ tục sơ thẩm, đương sự không đồng ý với phán quyết trong bản án, quyết định đó thì đương sự có quyền thực hiện quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, hoặc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định giải quyết việc dân sự. Pháp luật tố tụng của Việt Nam quy định chỉ có hai cấp xét xử: xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm. Nếu như đương sự không đồng ý với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm thì có quyền thực hiện quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. quyền kháng nghị của đương sự thể hiện ý chí định đoạt của đương sự, theo đó, nếu không đồng ý với cách thức giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng có thực hiện quyền kháng cáo hay không lại phụ thuộc vào ý chí định đoạt của đương sự.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định liên quan đến nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Thứ nhất, tại điểm a, Khoản 1 Điều 299 BLTTDS năm 2015 tại phiên tòa phúc thẩm quy định: “*Bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn*”.

Như đã trình bày, trong quá trình tố tụng dân sự, đương sự có quyền thay đổi, bổ sung, rút đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của mình. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa hoặc ngay tại phiên tòa nếu như nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì cần phải có sự đồng ý của bị đơn. Giả thiết đặt ra là:

Trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện nhưng bị đơn muốn tiếp tục giải quyết mâu thuẫn theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì hướng giải quyết như thế nào. Nếu như Tòa án chấp nhận cho nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tại Tòa án và việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của nguyên đơn. Ngược lại, nguyên đơn muốn rút đơn khởi kiện, bị đơn hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý cho nguyên đơn rút đơn nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bị đơn dẫn đến không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp này Tòa án tôn trọng quyền tự định đoạt của bị đơn nhưng lại mâu thuẫn đến việc bảo vệ quyền này của nguyên đơn.

Từ lẽ trên, tác giả đề xuất hướng dẫn quy định tại Điều 207, BLTTDS năm 2015 theo hướng: *“Bị đơn không đồng ý thì Tòa án chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn có quyền khởi kiện lại vụ án với nội dung trên”*.

Thứ hai, quy định tại Khoản 4 Điều 207 BLTTDS năm 2015 về những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được: *“Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải”*. Về nguyên tắc, hòa giải là một thủ tục bắt buộc trừ những trường hợp không hòa giải được. Trong những vụ việc phải tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do rơi vào những trường hợp quy định tại Điều 207 BLTTDS năm 2015. Một trong những trường hợp Tòa án không hòa giải được là do đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải. Quy định này được đánh giá là quy định tiến bộ trong BLTTDS năm 2015. Nếu như BLTTDS năm 2004, sửa đổi quy định đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện vụ án dân sự, khi vụ án đã được thụ lý giải quyết thì hòa giải là một thủ tục không thể thiếu. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng BLTTDS năm 2004 trên thực tế cho thấy có rất nhiều đương sự mong muốn không tiến hành hòa giải, và họ muốn Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa. Mong muốn này của đương sự không được đáp ứng do hòa giải là thủ tục bắt buộc, nếu Tòa án không thực hiện thủ tục này thì họ đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, quy định này cũng đi đến hậu quả là Tòa án không tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự.

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 hướng tới nâng cao quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự đã cho phép đương sự có quyền từ chối thực hiện thủ tục hòa giải trong quá trình tố tụng. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, quy định tại Khoản 4, Điều 207 vẫn chưa thật sự đạt hiệu quả. Quy định này có thể được hiểu như sau: trong quá trình Tòa án thụ lý để giải quyết vụ án, chỉ cần một trong các bên đề nghị không tiến hành hòa giải thì Tòa án sẽ không hòa giải mà có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Theo đó, đương sự theo quy định của BLTTDS bao gồm: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người yêu cầu giải việc dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (trong việc dân sự). Nếu chỉ cần một trong các chủ thể

trên đưa ra đề nghị không hòa giải thì Tòa án sẽ không hòa giải. Theo tác giả, quy định trên đã tôn trọng quyền tự định đoạt cho một chủ thể nhưng ảnh hưởng đến các chủ thể khác.

Trong vụ án dân sự tồn tại mâu thuẫn lợi ích theo nhóm chủ thể: nguyên đơn với bị đơn; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập với bị đơn. Nếu như nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đề nghị không hòa giải và Tòa án không tiến hành hòa giải trong khi bị đơn lại có nguyện vọng đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải. Trong trường hợp này, Tòa án chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là tôn trọng quyền quyết định và định đoạt của họ nhưng lại vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của bị đơn.

Trường hợp này tác giả đề xuất sửa đổi tại khoản 4 Điều 207 như sau: *“Nếu tất cả các đương sự đề xuất không tiến hành hòa giải thì Tòa án không hòa giải và đưa vụ án ra xét xử”*

Thứ ba, đương sự có quyền áp dụng thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự.

Thời hiệu là thời gian pháp luật quy định đương sự có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác mà khi hết thời hạn đó đương sự không có quyền khởi kiện, yêu cầu nữa. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi sẽ tiến hành thụ lý đơn của đương sự và ra quyết định đình chỉ vụ án, việc dân sự thì ở BLTTDS năm 2015 Tòa án sẽ không đình chỉ giải quyết vụ án nếu như người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu không có yêu cầu áp dụng thời hiệu để yêu cầu Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Quy định này thể hiện sâu sắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, theo đó Tòa án không tự mình áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án tại Tòa án trong khi các đương sự mong muốn giải quyết tranh chấp.

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có văn bản hướng dẫn cho quy định này, dẫn đến Tòa án không có nghĩa vụ thông báo với người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu biết được họ có quyền này và đương sự không biết được họ có quyền này nên đã gây bất lợi cho đương sự.

Để đảm bảo đương sự nắm bắt được quy định của pháp luật và quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự thì pháp luật cần quy định hướng dẫn Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về thời hiệu khởi kiện vụ án đối với người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Tổ chức Viện Kiểm sát năm 1981.
2. Bùi Thị Huyền, *Điểm mới của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về hòa giải vụ án dân sự và những nội dung cần hướng dẫn*, Tạp chí TAND kỳ II tháng 4/2016 (số 8).
3. Nguyễn Thị Hoài Phương, *Bình luận những điểm mới trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*, NXB Hồng Đức, tr.5.
4. Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2017), NXB Tư pháp.